

pradinis sąrašas

Nr.	Pavardė	FIDE ID	Fed.	Reit.	Klubas/Miestas
1	Bùi, Quang Ti?n		VIE	0	Clb Hoàng Gia
2	C?n, Hoàng Phát		VIE	0	Clb Hoàng Gia
3	Cao, Đ?c Anh		VIE	0	Clb Hoàng Gia
4	Cao, Đ?c Thành		VIE	0	Clb Hoàng Gia
5	Cao, Đang Khôi		VIE	0	Clb Hoàng Gia
6	Đ?, Khôi Nguyên		VIE	0	Clb Sơn Tây
7	Đ?, Phúc Khang		VIE	0	Clb Sơn Tây
8	Đ?ng, Nh?t Minh		VIE	0	Clb Hoàng Gia
9	Đinh, Minh Quang		VIE	0	Clb Hoàng Gia
10	Lê, Anh Tùng		VIE	0	Clb Hoàng Gia
11	Mai, Tr?ng Chính		VIE	0	Clb Hoàng Gia
12	Ngô, Đ?c Minh Khôi		VIE	0	Clb Hoàng Gia
13	Nguy?n, Anh Quân		VIE	0	Clb Qu?c Oai
14	Nguy?n, Đ? Th?o Vy (N?)		VIE	0	Clb Qu?c Oai
15	Nguy?n, H?ng Phúc		VIE	0	Clb Hoàng Gia
16	Nguy?n, H?ng Quang		VIE	0	Clb Ba Vì
17	Nguy?n, Hoàng Anh Khôi		VIE	0	Clb Hoàng Gia
18	Nguy?n, Minh Anh (N?)		VIE	0	Clb Sơn Tây
19	Nguy?n, Ng?c Minh Khuê (N?)		VIE	0	Clb Hoàng Gia
20	Nguy?n, Nh?t Minh		VIE	0	Clb Sơn Tây
21	Nguy?n, Quang Đang		VIE	0	Clb Sơn Tây
22	Nguy?n, Quý Nh?t Minh		VIE	0	M?m Non Tân L?p
23	Ph?m, Tu? An (N?)		VIE	0	Clb Hoàng Gia

Čia rasite detalią turnyro informaciją <https://chess-results.com/tnr1501172.aspx?lan=30>

Chess-Tournament-Results-Server: Chess-Results